

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **50/2022/DSPT**

Ngày: 30/8/2022

V/v tranh chấp QSDĐ, yêu cầu hủy GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đông.
- Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thanh ;
Ông Nguyễn Công Đường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLPT-DS ngày 17/9/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do có kháng cáo của bị đơn – Trần Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Lệ T đối với bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXX-DSPT ngày 12 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐPT-DS ngày 25/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐPT-DS ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T; địa chỉ: TDP H 1B, phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Trần Quang; địa chỉ: TDP H 1B, phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Như N, Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Đức H; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố R.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn P, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố R. Có văn bản xin vắng mặt.

- Bà Trần Thị Lệ T; địa chỉ: TDP P, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Trần Thị Ánh H; địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Bà T, bà H cùng ủy quyền cho ông Trần Q; địa chỉ: TDP H 1B, phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa (giấy ủy quyền số công chứng 3628 quyền số 08/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2021 tại Văn phòng công chứng K). Ông Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông Nguyễn T và ông Trần Q là anh em cùng mẹ khác cha, nguyên trước đây bà Nguyễn Thị Thanh X (mẹ ông T) có cho ông T một lô đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố R (gọi là UBND thành phố R) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi là GCNQSDĐ) thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 40 có diện tích 84,5 m². Đến ngày 01/3/2015, bà Nguyễn Thị Thanh X lập di chúc với nội dung: ông Nguyễn T được quyền hưởng toàn bộ ngôi nhà tình nghĩa và lô đất số 96 tờ bản đồ số 40 vì ông là con trai út của liệt sỹ Nguyễn H và mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thanh X và là em ruột của liệt sỹ Nguyễn H, nội dung di chúc nói rõ đất để ở và thờ cúng, di chúc có nhân chứng là ông Trần Văn H và ông Trần Văn T1 cùng trú tại tổ dân phố H 1B, phường P, thành phố R ký và được UBND phường P chứng thực vào ngày 20/8/2015. Đến ngày 11/7/2017, ông Nguyễn T được UBND thành phố Cam R cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên, sau khi đối chiếu với diện tích đất đã được cấp sổ ông T nhận thấy phần đất của ông giáp ranh nhà ông Q đã bị ông Q lấn chiếm, cụ thể theo trích đo địa chính thửa đất hiện nay chỉ còn lại 3.50m lần từ trước ra sau. Ông T xác định khi mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thanh X còn sống thì ông Q đã lấn chiếm phần diện tích trên vì ông nghĩ giữa mẹ và ông Q là mẹ con nên mẹ ông không có ý kiến về phần diện tích lấn chiếm này, hơn nữa giữa phần đất ông Q ở và phần đất bà X ở không có mốc ranh giới, khi ông T tiếp nhận lô đất và nhà ở trên để thờ cúng ông T đã yêu cầu ông Q tháo dỡ nhưng không thành. Ông T đã nhắc nhở ông Q nhiều lần nhưng ông Q không chịu tháo dỡ, ông T có yêu cầu UBND phường P can thiệp hòa giải những ngày 25/01/2019 hòa giải không thành nên ông T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Q phải trả cho ông 18,6m² đất đã lấn chiếm và tháo dỡ công trình kiến trúc có trên đất.

Tại bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Q trình bày:

Ông Trần Q không thừa nhận ông đã lấn chiếm diện tích đất trên, bởi lẽ theo tờ giấy di chúc do cha ông là ông Trần S và mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thanh X lập ngày 06/4/1920 (thực tế năm 2000 nhưng do ông Trần S ghi nhầm năm sinh của ông Q, đây là nét bút của cha nên không ai dám sửa) có chữ ký của các con ruột là Trần Q, Trần Q1, Trần Thị Thanh H, Trần Thị Lệ T. Nội dung di chúc có nói rõ thừa đất do cha mẹ tạo lập có diện tích là 354m², diện tích đất này cha mẹ cho các con, trong đó ông Q nhận 15m x 20m, Trần Q1 nhận 16m x 20m, phần còn lại 4m x 20m (theo như giấy cho đất vườn ở do cha mẹ ông lập ngày 10/10/2000 là cho ông 5m x 20m, Trần Q1 là 6m x 20m) có một nhà lợp tole vách bằng ván do cha mẹ ông giữ lại ở, đổi lại ông Q và các anh em có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ khi già yếu và thờ cúng. Sau khi ông Trần S mất năm 2007 thì bà Nguyễn Thị Thanh X có ký giấy ủy quyền lập ngày 22/8/2013 và giấy ủy quyền 12/3/2014 để cho vợ chồng ông Q được quyền sử dụng giấy chứng nhận và quyền thế chấp diện tích đất của cha mẹ là 354m² theo giấy CNQSD đất số 887430, thửa 20, tờ bản đồ 5A và đến ngày 20/3/2016, bà X ký giấy tâm nguyện di chúc của chồng là căn cứ vào di chúc của ông Trần S, theo đó ông Q được quyền thừa kế thừa đất số 96, tờ bản đồ số 40 với diện tích là 84,5m², giấy trên có các con trai và con dâu ký làm chứng, đồng thời ngày 22/4/2016 gia đình ông Q có lập biên bản họp mặt gia đình, trong đó có anh Nguyễn B là anh ruột ông Nguyễn T, là con cùng cha khác mẹ ký thỏa thuận cùng ông Q và các em ông Q có nghĩa vụ tài chính và nuôi dưỡng mẹ và thờ cúng mẹ khi qua đời. Tất cả các giấy tờ trên do ông Q viết nhưng không có công chứng, chứng thực.

Lý do ông Q còn giữ giấy chứng nhận đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh X là do thời điểm đó bà X có ủy quyền cho ông giữ giấy CNQSD đất vì sợ thất lạc, sợ người khác lấy cầm thế, bà X có nói đất này là của cha mẹ để lại sau này cũng do ông Trần Q thừa hưởng, nên ông Q nhận lời. Ông Q không biết rõ lý do vì sao ông đang giữ giấy CNQSD đất của mẹ mà ông T có thể làm được GCNQSDĐ với diện tích bà X đã cho ông Q đứng tên, mà theo nguyên tắc khi cấp sổ mới cần thu hồi sổ cũ. Do đó, ông Q không chấp nhận trả lại phần diện tích và tháo dỡ công trình trên đất mà ông T khởi kiện, ngày 27/5/2019 ông có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã được UBND thành phố R cấp cho ông Nguyễn T.

Tại văn bản số 2595/UBND-TNMT, ngày 23/7/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố R trình bày:

Ông Nguyễn T được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp GCNQSDĐ số CI 650733, Sổ vào sổ CH0437 ngày 11/7/2017 đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84.5m² tại TDP H 1B, phường P.

Nguồn gốc thửa đất trên được UBND huyện R cấp GCNQSD đất số L 887430, số vào sổ 01013 OSDĐ/CPB-CR ngày 16/3/1998 cho hộ ông Trần S và bà Nguyễn Thị Thanh X đối với thửa số 20, tờ bản đồ số 5A, diện tích 354m² trong đó gồm 200m² đất thổ cư, 106m² đất vườn và 48m² đất lưu không.

Đến ngày 05/10/2007 ông Trần S chết không để lại di chúc. Ngày 13/11/2013 hộ ông Trần S và bà Nguyễn Thị Thanh X lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế do ông Trần S chết để lại, theo đó các ông, bà Nguyễn Thị Thanh X, Trần Thị Ánh H, Trần Thị Lệ T, Trần Q1 và Trần Q thống nhất giao bà Nguyễn Thị Thanh X được trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt một phần diện tích đất 78m² (4m x 19,5m) thuộc một phần diện tích thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5A, Văn bản được UBND phường P chứng thực ngày 13/11/2013.

Ngày 17/12/2013 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố R thực hiện trích đo địa chính số 36/2013/TĐĐC tách thửa số 20, tờ bản đồ số 5A, diện tích 354m² thành 03 thửa: Thửa 95, tờ bản đồ số 40, diện tích 94,7m², Thửa 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84,5m²; Thửa 97, tờ bản đồ số 40, diện tích 122,9m².

Ngày 06/3/2014 UBND thành phố R cấp GCNQSD đất BT 433039. số vào sổ CH02125 cho bà Nguyễn Thị Thanh X đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84,5m².

Ngày 01/8/2015 bà Nguyễn Thị Thanh X lập tờ di chúc để lại cho ông Nguyễn T được trọn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84,5m² đã được UBND thành phố Cam R cấp giấy chứng nhận nêu trên, Tờ di chúc được UBND phường P xác nhận ngày 20/8/2015.

Ngày 01/7/2016 bà Nguyễn Thị Thanh X chết. Ngày 24/3/2017 ông Nguyễn T có đơn xin xác nhận mất giấy tờ về việc mất sổ đỏ, theo đó ông Nguyễn T xác định đã làm mất bản chính GCNQSD đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh X đối với thửa đất trên; Đơn được Công an phường P xác nhận ngày 24/3/2017.

Ngày 11/7/2017 UBND thành phố R ban hành Quyết định số 885/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSD đất số BT 433039, số vào sổ CH02125 do UBND thành phố R đã cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh X ngày 06/3/2014, lý do: Bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T (người được nhận thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị Thanh X) theo giấy chứng nhận số CI 650733, số vào sổ CH04537 ngày 11/7/2017 đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84,5m² theo đúng qui định tại Điều 77 và Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do thửa đất đang tranh chấp đã được cấp GCNQSD đất, vì vậy căn cứ qui định tại Điều 203 luật đất đai năm 2013, UBND thành phố R đề nghị Tòa án tại xem xét giải quyết theo đúng qui định của pháp

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ T trình bày: Cha mẹ bà T là ông Trần S và bà Nguyễn Thị Thanh X có để lại di chúc thừa kế cho anh trai bà T là ông Trần Q toàn bộ lô đất để thờ cúng cha mẹ, tâm nguyện và mong muốn trong di chúc là sự thật. Trước năm 1975, ông Trần S và bà Nguyễn Thị Thanh X đã mua một lô đất và sinh 04 người con gồm Trần Q, Trần Q1, Trần Thị Anh H và Trần Thị Lệ T, còn ông Nguyễn T là con cùng mẹ khác cha không có liên quan huyết thống với anh em bà T. Bà T được biết trong lúc mẹ bà đau bệnh thì ông Nguyễn T dọa nạt và ép mẹ bà ký vào tờ giấy gì đó mà theo lời mẹ bà kể lại làm tờ giấy cao tuổi và liệt sĩ cho mẹ bà, nếu mẹ bà không ký thì ông T đòi tự tử, ngoài ra bà không biết gì thêm. Đối với căn nhà tình nghĩa có trên đất là do nhà nước hỗ trợ xây dựng và 04 anh em bà phụ giúp sử dụng để lo liệu thờ cúng, ông T không có liên quan gì đến tài sản này. Đối với tài sản là công trình kiến trúc khác là nhà tạm, nhà vệ sinh và mái che có trên đất là do 4 anh em bà T xây dựng nhưng bà không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ánh H trình bày: Cha mẹ bà Hoa là ông Trần S, bà Nguyễn Thị Thanh X có tạo lập lô đất trên trước năm 1975 và sinh 4 người con. Lúc bà X còn sống có kể lại cho bà H biết, chính ông Nguyễn T đã dọa nạt và bắt bà X ký vào giấy tờ người cao tuổi và liệt sĩ trong lúc đau bệnh, ông Nguyễn T còn dọa nếu không ký vào tờ giấy đó thì sẽ tự tử. Ngoài ra những việc liên quan đến di chúc thừa kế của ông Nguyễn T bà H hoàn toàn không biết. Nguyên nhân xây ngôi nhà tình nghĩa là do anh em bà cùng nhau bàn bạc để bà Xuân có chỗ ở thoải mái hơn hưởng tuổi già. Trong thời gian xây dựng ngôi nhà tình nghĩa, 4 anh em bà cùng nhau tham gia phụ giúp xây dựng, còn ông Nguyễn T không liên quan gì đến việc xây dựng ngôi nhà tình nghĩa đó. Ông Trần S và bà Nguyễn Thị Thanh X đã lập di chúc để lại lô đất của cha mẹ cho ông Trần Q để thờ cúng ba mẹ ông bà, di chúc này có sự chứng kiến của anh em trong gia đình. Nội dung di chúc và tâm nguyện di chúc là đúng theo tâm nguyện của cha mẹ bà H và đúng sự thật. Đối với tài sản là công trình kiến trúc khác là nhà tạm, nhà vệ sinh và mái che có trên đất là do 4 anh em bà xây dựng nhưng bà H không yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Trần Q1 trình bày: Nguyên lô đất này do cha mẹ ông Q1 là ông Trần S, bà Nguyễn Thị Thanh X tạo lập trước năm 1975, sau đó ông S, bà X có 4 người con gồm Trần Q, Trần Q1, Trần Thị Anh H và Trần Thị Lệ T, sau khi ông S và bà X qua đời có để lại di chúc viết tay giao cho ông Trần Q thừa kế, thờ cúng cha

mẹ. Lô đất trên là tài sản của ông Trần S, bà Nguyễn Thị Thanh X để lại cho ông Trần Q thừa kế, ngôi nhà tình nghĩa cũng do anh em ông Q1 làm cùng với nhà nước, ông Nguyễn T không liên quan đến lô đất và ngôi nhà tình nghĩa. Việc ông T có giấy di chúc của bà X như thế nào thì ông Q không biết. Nhưng anh em trong gia đình đều biết ông T đã ép mẹ phải ký vào giấy tờ về người cao tuổi và liệt sĩ chứ không ký giấy cho đất ông T, việc bà X và anh em cùng ký giấy cho đất ông là Trần Q là sự thật. Đối với tài sản là công trình kiến trúc là nhà tạm, nhà vệ sinh và mái che có trên đất là do 4 anh em ông Q1 xây dựng nhưng ông không có yêu cầu gì.

Người làm chứng bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà T là vợ của bị đơn Trần Q và là em dâu của nguyên đơn Nguyễn T. Đối với mái che có trên đất đang tranh chấp là do 4 anh em ông Q xây dựng, bà T không bỏ tiền mà chỉ bỏ công sức mua đồ ăn, thức uống phục vụ cho việc xây cất mái che, việc xây dựng nhà tạm và nhà vệ sinh cũng do 4 anh em ông Q xây dựng nên bà không có ý kiến gì đối với tài sản tranh chấp này. Trước đó bà T có nghe con trai là Trần Trung T kể lại sự việc ông T qua nhà mẹ chồng bà là bà X để bức ép bà X ký giấy tờ nhận thay tiền người cao tuổi và giấy nhận thay tiền liệt sĩ, khi bà X không đồng ý thì ông T đòi sống chết buộc bà X phải ký. Việc ký giấy nhận di chúc nhằm che giấu gì hay không thì bà T không rõ.

Người làm chứng Trần Văn H trình bày: Ông H là hàng xóm của bà X, vào buổi chiều năm 2015, bà X có đến nhà ông H nhờ làm chứng cho tờ di chúc, sáng hôm sau thì ông H và ông T1 cùng đến làm chứng tại nhà bà X, lúc này, bà X trình bày đất cát bà đã phân chia cho các con rồi, chỉ còn mấy mét đất được nhà nước xây nhà tình nghĩa, trước ở sau thờ phụng liệt sĩ nhưng sức khỏe của bà đã yếu nên sợ khi qua đời con cái tranh giành nhau. Bà làm di chúc để lại nhà đất trên cho ông T để thờ phụng cha và anh cho phải đạo và hợp pháp. Khi đó, ông H có hỏi bà X đã bàn bạc với các con chưa, có ai ép buộc bà giao nhà đất này cho ông T không thì bà X nói nhà đất bà đã chia cả rồi, bà có sổ đỏ đứng tên mình nên giao lại cho ông T để sau này sang tên, không ai ép buộc bà cả. Để khỏi tranh giành về sau nên đề nghị ông H và ông T1 ký làm chứng để còn mang di chúc ra phường chứng thực. Sau khi ông H đọc lại tờ di chúc cho bà X nghe thì bà công nhận là đúng. Do đó ông H đã ghi lời chứng vào di chúc, đọc lại lời làm chứng cho bà X nghe và ký tên là có thực. Vì lý do sức khỏe yếu không thể đến tòa nên ông H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

Người làm chứng Trần Văn T1 trình bày: Ông T ở địa phương từ năm 1972, bà X, ông T1 là hàng xóm của ông T nên bà X có nhờ ông và ông H làm chứng cho bà theo như nội dung ông H trình bày ở trên, tại thời điểm viết di chúc bà X còn đi được và ăn nói minh mẫn. Không ai ép buộc bà X ký vì bà X có nhờ người làm chứng nên

không có gì vi phạm pháp luật. Vì lý do bận công việc ông T1 không thể đến Tòa nên yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa đã:

Căn cứ: Điều 2, Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 100 và khoản 1, khoản 5 Điều 166, điểm c khoản 3 Điều 167; Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Điều 164, Điều 169 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 9 Điều 26, Điều 34, Khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 229 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Q phải trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm có diện tích $18,6m^2$ (loại đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại tổ dân phố H 1B, phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa đã được UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T và buộc ông Trần Q phải tháo dỡ mái che cấu trúc cột kèo gỗ, mái tôn, la phong sàn gỗ có diện tích $18,6m^2$ (chiều dài 19,24m, chiều ngang 0,97m) có trên phần đất lấn chiếm được ký hiệu là C chi tiết theo Trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ và DVTM Chiến Thắng lập.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI650733, sổ vào sổ CH04537 ngày 11/7/2017 do UBND thành phố R cấp cho ông Nguyễn T đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích $84,5m^2$.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên và phân chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/5/2021, ông Trần Q có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án; Ngày 24/5/2021 các bà Trần Thị Ánh H, Trần Thị Lệ T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 13/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Các ông, bà Trần Q, Trần Thị Ánh H, Trần Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn – ông Trần Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Lệ T là trong thời hạn nên được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Các ngày 05/5/2021 và 24/5/2021, bị đơn ông Trần Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Lệ T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Theo đơn trình bày nội dung kháng cáo, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bà H, bà T – ông Trần Q xác định chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh X trong bản Di chúc ngày 01/8/2015 mà ông Nguyễn T sử dụng để làm thủ tục khai nhận thừa kế và đăng ký sang tên nhà đất là giả mạo và đề nghị Tòa án tiến hành giám định chữ ký trong bản di chúc nói trên.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh X tại bản di chúc ngày 01/8/2015 bằng Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGD ngày 23/5/2022.

Tại Kết luận giám định số 197/GĐ-GT/2022/KL-KTHS ngày 14/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: “Chữ ký dạng viết tên “X” trên Tờ di chúc đề ngày 01 tháng 8 năm 2015 (Tài liệu cần giám định) so với chữ ký mang tên “Nguyễn Thị Thanh X” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký ra”.

Như vậy có cơ sở để khẳng định, di chúc ngày 01/8/2015 của bà Nguyễn Thị Thanh X, có xác nhận của hai nhân chứng là ông Trần Văn H và ông Trần Văn T1 – cùng ký ngày 01/8/2015 với nội dung để lại thừa kế cho ông Nguyễn T thừa hưởng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40 và ngôi nhà tình nghĩa do bà X đứng tên đã được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố R chứng thực ngày 20/8/2019 là hoàn toàn hợp pháp. Việc Ủy ban nhân dân thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 650733, sổ vào sổ CH04537 đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích 84,5m² cho ông Nguyễn T ngày 11/7/2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có căn cứ nên xét thấy cần bác kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DSST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

[2.2]. Về yêu cầu tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn:

Ngày 27/5/2019, ông Trần Q có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI650733, sổ vào sổ CH04537 ngày 11/7/2017 do UBND thành phố R cấp cho ông Nguyễn T. Ngày 25/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa có Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 02/2019/QĐST-DS đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để xét xử theo thẩm quyền. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai và hướng dẫn tại mục 2 Công văn 64/TANDTC-TC ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm 2 Mục IV Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 06/2020/QĐST-DS ngày 08/01/2020 đến Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa giải quyết là đúng theo thẩm quyền. Đây chỉ là nội dung trình bày của bị đơn, không phải yêu cầu phản tố, mặt khác Ủy ban nhân dân thành phố R đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T. Do đó, yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Do kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 255, 256 Bộ luật dân sự 2005, Khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự 2005, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh Lệ phí, án phí số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị đơn – ông Trần Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ánh H, bà Trần Thị Lệ T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Q phải trả lại quyền sử dụng đất đã lấn chiếm có diện tích $18,6m^2$ (loại đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại tổ dân phố H 1B, phường P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa đã được UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T và buộc ông Trần Q phải tháo dỡ mái che cấu trúc cột kèo gỗ, mái tôn, la thông sàn gỗ có diện tích $18,6m^2$ (chiều dài 19,24m, chiều ngang 0,97m) có trên phần đất lấn chiếm được ký hiệu là C chi tiết theo Trích đo địa chính thửa đất do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ và DVTM Chiến Thắng lập.

1.2. Bác yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI650733, số vào sổ CH04537 ngày 11/7/2017 do UBND thành phố R cấp cho ông Nguyễn T đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40, diện tích $84,5m^2$.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả cho ông Trần Q 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000642 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R do nội dung yêu cầu của ông Trần Q không phải là yêu cầu phản tố.

2.2. Ông Trần Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

2.3. Hoàn trả cho ông Nguyễn T 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000349 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

3. Về án phí phúc thẩm:

3.1. Ông Trần Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006453 ngày 11/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Bà Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006504 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3.3. Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0006503 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam R. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm: Buộc ông Trần Q có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.780.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) cho ông Nguyễn T.

3.2. Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Ông Trần Q phải chịu chi phí giám định là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), ông Q đã nộp đủ chi phí giám định theo quy định.

Quy định chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay khi tuyên án.

* Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tp R, tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tp R, tỉnh Khánh Hòa;
- CCTHADS tp R, tỉnh Khánh Hòa;
- Dương sự;
- Lưu: HS, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đông